

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHIÊM HÓA
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HS-ST
Ngày 08- 01-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phúc An Hoàn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Xuân Tiểu**

2. Bà **Tường Thị Thu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bàn Thị Bích Duyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Trung Hiếu**, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 88/2020/TLST-HS ngày 30/11/2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2020/QĐXXST-HS ngày 25/12/2020 đối với bị cáo:

ĐỖ VĂN H, tên gọi khác: Không; sinh ngày 27/10/1987 tại tỉnh T; nơi cư trú: Tổ 5, xã Y, huyện T, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Cao T, sinh năm 1959 và bà Bùi Thị M, sinh năm 1958; có vợ Nguyễn Thị N, sinh năm 1990 (đã ly hôn) và 01 con, sinh năm 2007;

Tiền án: Có 03 tiền án:

- Bản án số 113/2012/HSST ngày 24/10/2012 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/3/2016.

- Bản án số 68/2016/HSST ngày 19/8/2016 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T xử phạt 01 năm 09 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/12/2017.

- Bản án số 55/2018/HSST ngày 13/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T xử phạt 02 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/11/2019.

Tiền sự: Có 02 tiền sự

- Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 07/4/2020 của Chủ tịch UBND phường Y, thành phố T, tỉnh T về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại phường đối với Đỗ Văn H về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

- Quyết định số 00024/QĐ-XPHC ngày 10/4/2020 của Công an phường Y, thành phố T, tỉnh T xử phạt Đỗ Văn H 1.000.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản.

Nhân thân:

- Bản án số 42/HSST ngày 18/8/2004 của Tòa án nhân dân thị xã T (nay là Tòa án nhân dân thành phố T) xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 12 tháng về tội Trộm cắp tài sản.

- Bản án số 78/PTHS ngày 27/9/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh T xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, tổng hợp với hình phạt 06 tháng tù tại bản án số 42 ngày 18/8/2004 của Tòa án nhân dân thị xã T, buộc phải chấp hành hình phạt chung là 12 tháng.

- Bản án số 17/2008/HSST ngày 03/3/2008 của Tòa án nhân dân thị xã T (nay là Tòa án nhân dân thành phố T), xử phạt 36 tháng về tội Mua bán trái phép chất ma túy.

- Quyết định số 11/QĐ-XPHC ngày 05/02/2018 của Công an tỉnh T xử phạt Đỗ Văn H bằng hình thức Cảnh cáo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

- Quyết định số 15/2020/QĐ-TA ngày 12/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Đỗ Văn H trong thời hạn 18 tháng.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/11/2020, hiện đang bị tạm giam tại NH1 tạm giữ Công an huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, *có mặt tại phiên tòa.*

Bị hại: Ông Phạm Văn H2, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện C, tỉnh T (*Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.*)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Bùi Văn N, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện C, tỉnh T, *có mặt.*

Người làm chứng: Ông Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ dân phố Vĩnh Tài, thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, *có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 29/6/2020, Đỗ Văn H cùng với Trần Mạnh H1, sinh năm 1984, trú tại tổ 18, phường TH, thành phố T, tỉnh T đến xây nhà cho anh Phạm Văn H2, sinh năm 1987, trú tại thôn T, xã T, huyện C. Khoảng 06 giờ ngày 30/6/2020, Nguyễn Xuân Đ, điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave Alpha,

biển số đăng ký 22F1-201.87 (trước đó anh Đ mượn của anh H2 làm phương tiện đi lại) đến nhà anh H2 để xây nhà, đến nơi anh Đ trả xe mô tô cho anh H2 và để chìa khóa xe ở gầm bàn uống nước, kê ở sân. Khoảng 08 giờ cùng ngày H nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh H2, H hỏi anh Đ “*Em đau bụng quá, cho em mượn xe đi mua thuốc*” thấy H hỏi vậy anh Đ nói “*Không phải xe của tao, mày hỏi thằng H2 ấy*”, nghe anh Đ nói vậy H hiểu là xe mô tô của anh H2 không phải của anh Đ, H không hỏi anh H2 (vì H sợ hỏi anh H2 thì anh H2 không cho mượn xe), lợi dụng mọi người mãi làm việc không ai để ý nên H đi ra bàn uống nước lấy chìa khóa xe và điều khiển xe mô tô đi, sau khi lấy được xe mô tô H điều khiển đến nhà anh Bùi Văn N, trú tại thôn Đ, xã N, huyện C, tỉnh T bán được 13.000.000 đồng và mua lại của anh N 01 chiếc xe mô tô khác với giá 4.000.000 đồng, chiếc mô tô H mua của anh N, H đã bán lại cho một người đàn ông không quen biết tại thành phố T được 2.500.000 đồng. Sau đó H bỏ trốn khỏi địa phương, đến ngày 10/11/2020 đến Công an xã Hoàng Văn T, huyện C, thành phố N đầu thú, số tiền bán xe H đã chi tiêu cá nhân hết (khi bán xe cho anh N, H không nói cho anh N biết đó là tài sản do phạm tội mà có).

Kết luận định giá tài sản số 54/KL-HĐĐGTS ngày 24/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Chiêm Hóa, kết luận: Giá trị của xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave Alpha, màu sơn trắng đen bạc, biển số đăng ký 22F1-201.87, xe đăng ký lần đầu ngày 10/11/2016, có giá trị tại thời điểm tháng 6 năm 2020 là 11.700.000 đồng (*Mười một triệu bảy trăm nghìn đồng*).

Cáo trạng số: 88/CT-VKSCH ngày 30/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo Đỗ Văn H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh, điều luật đã nêu trong Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Đề nghị tuyên bố bị cáo Đỗ Văn H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về hình phạt chính: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Đỗ Văn H từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 10/11/2020.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có tài sản riêng nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại đã được trả lại tài sản và không có yêu cầu bị cáo bồi thường thêm nên không đề nghị xem xét. Đối với số tiền bán xe mô tô nhãn hiệu HONDA, Wave Alpha, biển số đăng ký 22F1-201.87 trộm cắp được cho ông Bùi Văn N, ông Bùi Văn N yêu cầu bị cáo bồi hoàn số tiền

13.000.000 đồng, nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại tài sản cho ông Bùi Văn N số tiền 13.000.000 đồng.

Về vật chứng vụ án: Các tài sản của ông Phạm Văn H2 trong giai đoạn điều tra cơ quan điều tra đã thu hồi và trả cho ông H2, do vậy không đề nghị xem xét.

Đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo bản án của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu, không có ý kiến tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát. Nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức án cho bị cáo.

Lời khai của bị hại anh Phạm Văn H2 xác định đã mất tài sản là 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, Wave Alpha, biển số đăng ký 22F1-201.87, 01 chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự, đã nhận lại tài sản trong giai đoạn điều tra, không yêu cầu bị cáo bồi thường về tài sản và công truy tìm tài sản. Về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, anh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn N xác định khoảng 09 giờ 00 phút ngày 30/6/2020, được mua của Đỗ Văn H 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, Wave Alpha, biển số đăng ký 22F1-201.87 với giá là 13.000.000 đồng, khi mua không biết tài sản do bị cáo H trộm cắp mà có, đã thanh toán tiền cho bị cáo H, ông N yêu cầu bị cáo bồi hoàn số tiền 13.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Chiêm Hóa, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp, phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa cũng như tại Cơ quan điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội

dung cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án phù hợp với nhau, phù hợp các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 08 giờ ngày 30/6/2020 tại thôn T, xã T, huyện C, tỉnh T, Đỗ Văn H đã có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, Wave Alpha, biển số đăng ký 22F1-201.87 của ông Phạm Văn H2, trị giá 11.700.000 đồng (*Mười một triệu bảy trăm nghìn đồng*). Đủ cơ sở xác định hành vi của bị cáo đã cấu thành tội trộm cắp tài sản theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, do đó phải chịu trách nhiệm đối với hành vi phạm tội của mình. Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, vi phạm pháp luật Nhà nước.

Bị cáo có nhân thân xấu, bị cơ quan chức năng xử lý hành chính nhiều lần về các hành vi vi phạm khác nhau và bị xét xử nhiều lần về các tội danh khác nhau. Bản án số 55/2018/HS-ST ngày 13/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T xác định bị cáo phạm tội thuộc trường hợp là tái phạm, xử phạt 02 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/11/2019. Ngày 30/6/2020 bị cáo tiếp tục phạm tội, do đó áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173 đối với bị cáo phạm tội thuộc trường hợp "tái phạm nguy hiểm" là có căn cứ. Tình tiết "*Tái phạm nguy hiểm*" được áp dụng là yếu tố định khung hình phạt nên bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: Người phạm tội thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội đã đầu thú tại cơ quan Công an, theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm chung; nội dung buộc tội, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa cho thấy bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, tích cực, quyết liệt, thể hiện tính coi thường pháp luật, do đó cần phải áp dụng biện pháp cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, như vậy mới đủ sức răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo đồng thời thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[4] Về vật chứng vụ án: Tài sản của bị hại Phạm Văn H2 đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang thu hồi trả lại, nên không phải xem xét.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Do bị hại đã nhận lại được tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường về giá trị, do vậy không xem xét.

Đối với việc chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, Wave Alpha, biển số đăng ký 22F1-201.87 bán cho Bùi Văn N, ông N yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 13.000.000 đồng, bị cáo chưa bồi thường. Tại phiên tòa, bị cáo nhất trí bồi hoàn theo yêu cầu của ông N. Do vậy, cần buộc bị cáo bồi thường thiệt hại tài sản cho ông Bùi Văn N số tiền 13.000.000 đồng.

[6] Về truy thu tiền do phạm tội mà có: Sau khi trộm cắp được tài sản bị cáo đã bán được số tiền và đã chi tiêu cá nhân hết số tiền do có được từ việc trộm cắp mà có; đối với số tiền này do chưa thực hiện bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, cần buộc bị cáo phải thực hiện bồi thường (bồi hoàn), do đó không truy thu tiền do phạm tội mà có đối với bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Xét thấy bị cáo không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Các vấn đề khác:

Đối với Bùi Văn N là người mua chiếc xe mô tô của bị cáo H, khi mua không biết nguồn gốc tài sản do H trộm cắp mà có nên không có căn cứ, do vậy Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[9] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 135, 136, 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 357, 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Văn H phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Xử phạt Đỗ Văn H, 03 năm, 02 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 10/11/2020.

Buộc Đỗ Văn H phải có nghĩa vụ bồi thường (bồi hoàn) cho ông Bùi Văn N số tiền 13.000.000 đồng (*Mười ba triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Đỗ Văn H phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 650.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 08/01/2021.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại, người có QLNVLQ;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- CQCSĐT CA huyện Chiêm Hóa;
- CQTHAHS CA huyện Chiêm Hóa;
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- Bộ phận HSNV CA huyện Chiêm Hóa;
- Sở Tư pháp;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phúc An Hoàn